

Số: 299 /TB-HVCSPT

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Lịch thi kết thúc học phần Giai đoạn 2, Học kỳ I, Năm học 2024-2025

Căn cứ Quyết định số 774/QĐ-HVCSPT ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2024-2025;

Học viện Chính sách và Phát triển thông báo Lịch thi kết thúc học phần Giai đoạn 2, Học kỳ I, Năm học 2024-2025 như sau:

1. Hình thức thi: thực hiện theo đề cương chi tiết học phần và đề nghị của các Khoa, Viện thể hiện trên lịch thi.

2. Lịch thi kết thúc học phần Giai đoạn 2, Học kỳ I, Năm học 2024-2025

- Các học phần thi theo hình thức Tiểu luận được tổ chức thi trực tuyến tại địa chỉ: <http://thitructuyen.apd.edu.vn>;

- Các học phần thi theo hình thức Viết/Vấn đáp/Thực hành/Nói được tổ chức thi trực tiếp tại Học viện;

- Lịch thi chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Đề nghị cán bộ, giảng viên và sinh viên lưu ý thực hiện một số nội dung sau:

a. Đối với các đơn vị thuộc Học viện:

- Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với các Khoa, Viện thông tin tới giảng viên về việc rút ngắn tuần học dự trữ đối với lịch học các khóa 12, khóa 13, khóa 14 trong giai đoạn này: chuyển “từ ngày 06 đến ngày 12/01/2025” (theo Quyết định số 774) thành “từ ngày 06 đến ngày 08/01/2025”.

- Lãnh đạo các Khoa, Viện đôn đốc Giảng viên giảng dạy hoàn thiện điểm thành phần, đề thi hoặc ngân hàng câu hỏi của các học phần theo đúng tiến độ; đôn đốc Cố vấn học tập quán triệt thông tin về Quy định khảo thí ban hành kèm theo Quyết định số 508/QĐ-HVCSPT ngày 30/5/2024 của Giám đốc Học viện tới các lớp sinh viên, đặc biệt là các Điều 12, Điều 17.

- Phòng Kế hoạch – Tài chính tiến hành quét tình trạng nợ học phí của sinh viên và cung cấp thông tin cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng lọc danh sách sinh viên đủ điều kiện thi theo đúng quy định hiện hành.

b. Đối với sinh viên:

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Học viện trước khi tham gia đợt thi;

- Bắt buộc mang theo một trong số các giấy tờ tùy thân gồm thẻ sinh viên, thẻ căn cước, thẻ Đảng viên, hộ chiếu khi tham gia các ca thi trực tiếp tại Học viện;

- Các sinh viên có đơn xin hoãn thi đã được đồng ý ở các giai đoạn trước nộp đơn xin thi bổ sung trực tuyến trên ứng dụng APD Slink trước ngày 23/12/2024 đối với các học phần được tổ chức thi trong giai đoạn này;

- Tuân thủ nghiêm các quy định khác theo Quy định khảo thí hiện hành.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Các đơn vị trong Học viện (để phối hợp t/h);
- TT, TV&TT (để đăng website Học viện);
- Lưu: TC-HC, KT&ĐBCL (03 bản).

**TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCL**



TS. Phạm Ngọc Trữ

PHỤ LỤC: LỊCH THI GIAI ĐOẠN 2, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Thông báo số 299 /TB-HVCSPT ngày 11 /12/2024 của Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
1	30/12/2024	Ca 1 (08:00-09:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
2	30/12/2024	Ca 2 (10:00-11:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
3	30/12/2024	Ca 3 (13:30-15:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 6	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
4	30/12/2024	Ca 4 (15:30-17:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 6	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
5	31/12/2024	Ca 1 (08:00-09:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 6	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
6	31/12/2024	Ca 2 (10:00-11:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 6	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
7	31/12/2024	Ca 3 (13:30-15:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 6	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
8	31/12/2024	Ca 4 (15:30-17:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 6	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
9	02/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	126	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
10	02/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
11	02/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
12	02/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
13	03/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
14	03/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	129	3	San 2, San 1, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
15	03/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
16	03/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
17	04/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	132	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
18	04/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	132	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
19	04/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
20	04/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
21	05/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	126	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
22	05/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	38	1	San 5	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - CLC - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
23	05/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	86	2	San 1, San 2	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
24	05/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	120	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - CLC - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
25	05/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	43	1	San 2	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
26	05/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	80	2	San 1, San 5	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - CLC - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
27	06/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Thực hành 90P	90	78	2	San 1, San 2	KHÓA 15 - GDTC - THỰC HÀNH - CLC - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
28	06/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Giáo dục thể chất 3(GDTC07)_2	GDTC07	2	Vấn đáp 90P	90	43	1	San 5	KHÓA 14 - GDTC - LÝ THUYẾT HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
29	06/01/2025	Ca 1 (08:00-09:00)	Tiếng Anh cơ bản 1(TACB00)_3	TACB00	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	C403 Tin học, P404-6F, P405-6F	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
30	06/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Giáo dục thể chất 3(GDTC07)_2	GDTC07	2	Vấn đáp 90P	90	126	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 14 - GDTC - LÝ THUYẾT HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
31	06/01/2025	Ca 2 (09:10-10:10)	Tiếng Anh cơ bản 1(TACB00)_3	TACB00	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
32	06/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Giáo dục thể chất 3(GDTC07)_2	GDTC07	2	Vấn đáp 90P	90	120	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 14 - GDTC - LÝ THUYẾT HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
33	06/01/2025	Ca 3 (10:20-11:20)	Tiếng Anh cơ bản 1(TACB00)_3	TACB00	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	118	3	C403 Tin học, P404-6F, P405-6F	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
34	06/01/2025	Ca 4 (13:30-14:30)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
35	06/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Giáo dục thể chất 3(GDTC07)_2	GDTC07	2	Vấn đáp 90P	90	42	1	San 1	KHÓA 14 - GDTC - LÝ THUYẾT HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
36	06/01/2025	Ca 5 (14:40-15:40)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	C403 Tin học, P404-6F, P405-6F	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
37	06/01/2025	Ca 6 (15:50-16:50)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
38	07/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Giáo dục thể chất 3(GDTC07)_2	GDTC07	2	Thực hành 90P	90	126	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 14 - GDTC - THỰC HÀNH - HKI G 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
39	07/01/2025	Ca 1 (08:00-09:00)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	C403 Tin học, P404-6F, P405-6F	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
40	07/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Giáo dục thể chất 3(GDTC07)_2	GDTC07	2	Thực hành 90P	90	122	3	San 6, San 2, San 5	KHÓA 14 - GDTC - THỰC HÀNH - HKI G 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
41	07/01/2025	Ca 2 (09:10-10:10)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
42	07/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Giáo dục thể chất 3(GDTC07)_2	GDTC07	2	Thực hành 90P	90	83	2	San 5, San 2	KHÓA 14 - GDTC - THỰC HÀNH - HKI G 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
43	07/01/2025	Ca 3 (10:20-11:20)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	129	3	C403 Tin học, P404-6F, P405-6F	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
44	07/01/2025	Ca 4 (13:30-14:30)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	124	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
45	07/01/2025	Ca 5 (14:40-15:40)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	124	3	C403 Tin học, P404-6F, P405-6F	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
46	07/01/2025	Ca 6 (15:50-16:50)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	126	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
47	08/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Thực hành tiếng - Nói 1(NNTA04)_3	NNTA04	3	NÓI 90P	90	98	5	C305, C307, C308, C309, C311	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
48	08/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Kinh tế vi mô 1(KHMI01)_3	KHMI01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	516	13	C208, C209, C210, C301, C302, C303, C304, C201, C202, C203, C204, C205, C207	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
49	08/01/2025	Ca 2 (10:00-11:00)	Thực hành tiếng - Đọc 1(NNTA05)_3	NNTA05	3	Trắc nghiệm + Tự luận 60P	60	98	2	C401, C402	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
50	08/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Kinh tế vi mô 1(KHMI01)_3	KHMI01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	548	14	C301, C302, C303, C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C304, C305	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
51	08/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Chính sách công(CSCS11)_3	CSCS11	3	Tự luận 90P	90	556	13	C201, C202, C203, C204, C207, C208, C209, C210, C301, C302, C303, C304, C305	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Viện Chính sách công
52	08/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Kinh tế lượng(TOKT05)_3	TOKT05	3	Tự luận 90P	90	348	8	C201, C202, C203, C204, C207, C208, C301, C302	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
53	09/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	NÓI 90P	90	300	14	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C211, C305, C307, C308, C309	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - NÓI - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
54	09/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	NÓI 90P	90	281	14	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C305, C307, C308, C309, C311	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - NÓI - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
55	09/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	NÓI 90P	90	286	14	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C305, C307, C308, C309, C311	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - NÓI - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
56	09/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	TACB02	3	NÓI 90P	90	286	14	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C305, C307, C308, C309, C311	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - NÓI - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
57	10/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Pháp luật kinh tế(LUKT02)_3	LUKT02	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	115	3	C301, C302, C305	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Luật Kinh tế
58	10/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Đấu thầu xây lắp(QLXL10)_2	QLXL10	2	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	74	2	C401, C402	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Đấu thầu
59	10/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Hành vi người tiêu dùng(QTCB01)_3	QTCB01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	154	3	C501, C502, C503	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh
60	10/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Triết học Mác - Lênin(THML04)_3	THML04	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	161	4	C201, C202, C203, C204	KHÓA 15 - CLC - HKI GD2 2024-2025	Bộ môn Lý luận chính trị

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
61	10/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Triết học Mác - Lênin(THML04)_3	THML04	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	566	14	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C301, C302, C303, C304, C305	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Lý luận chính trị
62	10/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Triết học Mác - Lênin(THML04)_3	THML04	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	567	14	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C301, C302, C303, C304, C305	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Lý luận chính trị
63	10/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Triết học Mác - Lênin(THML04)_3	THML04	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	584	14	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C301, C302, C303, C304, C305	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Lý luận chính trị
64	11/01/2025	Ca 1 (08:00-09:00)	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(TCTT23)_3	TCTT23	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	127	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Tài chính - Ngân hàng
65	11/01/2025	Ca 2 (09:10-10:10)	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(TCTT02)_4	TCTT02	4	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	76	2	C403 Tin học, P404-6F	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Tài chính - Ngân hàng
66	11/01/2025	Ca 2 (09:10-10:10)	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(TCTT23)_3	TCTT23	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	49	1	P405-6F	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Tài chính - Ngân hàng
67	11/01/2025	Ca 3 (10:20-11:20)	Tiếng Việt thực hành(NNTA10)_2	NNTA10	2	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	84	2	P404-6F, P405-6F	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
68	11/01/2025	Ca 4 (13:30-14:30)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	TOĐC06	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	88	2	P404-6F, P405-6F	KHÓA 15 - CLC - HKI GD2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
69	11/01/2025	Ca 4 (13:30-14:30)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	TOĐC06	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	28	1	C403 Tin học	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
70	11/01/2025	Ca 5 (14:40-15:40)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	TOĐC06	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	40	1	P404-6F	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
71	11/01/2025	Ca 5 (14:40-15:40)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	TOĐC06	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	66	2	P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - CLC - HKI GD2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
72	11/01/2025	Ca 6 (15:50-16:50)	Nguyên lý thống kê kinh tế(TONL08)_3	TONL08	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	34	1	P404-6F	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
73	12/01/2025	Ca 1 (08:00-09:00)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	TOĐC06	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	C403 Tin học, P404-6F, P405-6F	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
74	12/01/2025	Ca 2 (09:10-10:10)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	TOĐC06	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
75	12/01/2025	Ca 3 (10:20-11:20)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	TOĐC06	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	C403 Tin học, P404-6F, P405-6F	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
76	12/01/2025	Ca 4 (13:30-14:30)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	TOĐC06	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
77	12/01/2025	Ca 5 (14:40-15:40)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	TOĐC06	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
78	12/01/2025	Ca 6 (15:50-16:50)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	TOĐC06	3	Trắc nghiệm 60P (Trên máy)	60	130	3	P404-6F, P405-6F, C403 Tin học	KHÓA 15 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
79	13/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Toán cao cấp 1(TOCC03)_3	TOCC03	3	Tự luận 90P	90	160	4	C201, C202, C203, C204	KHÓA 15 - CLC - HKI GD2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
80	13/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Địa lý Kinh tế(QHĐL07)_3	QHĐL07	3	Tự luận 90P	90	164	4	C501, C502, C503, C504	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
81	13/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Thẩm định dự án đầu tư(TCTĐ17)_3	TCTĐ17	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	26	1	C205	KHÓA 12 - CLC- HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
82	13/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Kinh tế vi mô 1(KHMI01)_3	KHMI01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	89	2	C301, C302	KHÓA 14 - CLC - HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
83	13/01/2025	Ca 1 (08:00-09:00)	Ngôn ngữ học đối chiếu(NNTA09)_2	NNTA09	2	Trắc nghiệm + Tự luận 60P	60	85	2	C303, C304	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
84	13/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Quản trị marketing(QTMA09)_3	QTMA09	3	Tự luận 90P	90	98	2	C304, C303	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh
85	13/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Tài chính quốc tế(TCQT12)_3	TCQT12	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90P (Tiếng Anh)	90	154	3	C201, C202, C203	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
86	13/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Tài chính doanh nghiệp(TCDN03)_3	TCDN03	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	122	3	C204, C205, C208	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Tài chính - Ngân hàng
87	13/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Kinh tế vi mô 2(KHMI03)_3	KHMI03	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	59	1	C302	KHÓA 13 - CLC - HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
88	13/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản trị chiến lược(QTCL01)_3	QTCL01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	331	8	C303, C304, C308, C309, C401, C402, C404, C408	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
89	13/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Tiếng Anh cơ bản 1(TACB00)_3	TACB00	3	NÓI 90P	90	203	10	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C305	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - NÓI - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
90	13/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Kiểm toán căn bản(KTCB01)_3	KTCB01	3	Tự luận 90P	90	103	2	C301, C302	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kế toán - Kiểm toán
91	13/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Kinh tế công cộng(KHCC06)_3	KHCC06	3	Tự luận 90P	90	78	2	C303, C304	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
92	13/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Tiếng Anh cơ bản 1(TACB00)_3	TACB00	3	NÓI 90P	90	175	9	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - NÓI - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
93	13/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Marketing dịch vụ(QTMS01)_3	QTMS01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	153	3	C402, C404, C401	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh
94	14/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Quản lý tài chính công(TCCO21)_3	TCCO21	3	Tự luận 90P	90	177	4	C201, C202, C203, C204	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Tài chính - Ngân hàng
95	14/01/2025	Ca 1 (08:00-09:00)	Tư tưởng Hồ Chí Minh(THTT02)_2	THTT02	2	Trắc nghiệm + Tự luận 60P	60	492	11	C301, C302, C303, C304, C305, C307, C308, C401, C402, C404, C408	KHÓA 14 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Lý luận chính trị
96	14/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Toán cao cấp(TOCC05)_3	TOCC05	3	Tự luận 90P	90	532	13	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C301, C302, C303, C304	KHÓA 15 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
97	14/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Quản trị ngân hàng thương mại(CLCNH37)_3	CLCNH37	3	Tự luận 90P	90	18	1	C305	KHÓA 13 - CLC - HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
98	14/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Toán cao cấp(TOCC05)_3	TOCC05	3	Tự luận 90P	90	532	13	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C301, C302, C303, C304	KHÓA 15 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
99	14/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Toán cao cấp(TOCC05)_3	TOCC05	3	Tự luận 90P	90	535	13	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C301, C302, C303, C304	KHÓA 15 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
100	14/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh(PTDL09)_3	PTDL09	3	Tiểu luận - 3 ngày	90	49	1	C310	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
101	15/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Kế toán hành chính sự nghiệp(TCHC08)_3	TCHC08	3	Tự luận 90P	90	103	2	C201, C202	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kế toán - Kiểm toán
102	15/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh(TODL01)_3	TODL01	3	Tiểu luận - 3 ngày	90	96	1	C207	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
103	15/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Đầu tư quốc tế(CLCDT09)_3	CLCDT09	3	Tự luận 90P	90	87	2	C302, C301	KHÓA 12 - CLC- HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
104	15/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Tiếng Anh chuyên ngành 2(NNTA17)_3	NNTA17	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	83	2	C203, C204	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
105	15/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP(QLPP05)_3	QLPP05	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	21	1	C205	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Đấu thầu
106	15/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Tổ chức điều hành và quản lý công sở(CSTC14)_3	CSTC14	3	Tự luận 90P	90	80	2	C301, C302	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Viện Chính sách công
107	15/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(ĐNNV03)_3	ĐNNV03	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	330	8	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế quốc tế
108	15/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Marketing dịch vụ công(CSMR08)_3	CSMR08	3	Tự luận 90P	90	73	2	C204, C205	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Viện Chính sách công
109	15/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Logistic cơ bản(TMQT11)_3	TMQT11	3	Tự luận 90P	90	223	5	C301, C302, C303, C304, C305	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế quốc tế
110	15/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản trị học(QTHO06)_3	QTHO06	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	174	4	C201, C202, C203, C208	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
111	15/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Pre IELTS 1.1(NNPR1.1)_4	NNPR1.1	4	Trắc nghiệm 90P (Trên máy)	90	44	1	P404-6F	KHÓA 15 - CLC - HKI GĐ2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
112	15/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Thẩm định dự án đầu tư(TCTĐ17)_3	TCTĐ17	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	184	4	C301, C302, C303, C305	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Đầu tư
113	15/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Đấu thầu mua sắm 1(QLMS03)_3	QLMS03	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	165	4	C201, C202, C203, C204	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Đấu thầu
114	16/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Tiếng Anh IELTS 1.1(NNIL1.1)_6	NNIL1.1	6	NÓI 90P	90	156	8	C201, C202, C203, C205, C207, C208, C209, C210	KHÓA 15- TIẾNG ANH - NÓI - CLC HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
115	16/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Phát triển kỹ năng(QTKN01)_3	QTKN01	3	Vấn đáp 90P	90	48	3	C501, C502, C503	KHÓA 14 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HKI GĐ 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh
116	16/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Tài chính doanh nghiệp(TCDN03)_3	TCDN03	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	29	1	C204	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Khoa Tài chính - Ngân hàng
117	16/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Tiếng Anh chuyên ngành 4(NNTA19)_3	NNTA19	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	83	2	C301, C302	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
118	16/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Phát triển kỹ năng(QTKN01)_3	QTKN01	3	Vấn đáp 90P	90	26	1	C301	KHÓA 14 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HKI GĐ 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh
119	16/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(TOLT07)_3	TOLT07	3	Tự luận 90P	90	93	2	C401, C402	KHÓA 14 - CLC - HKI GĐ 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
120	16/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	An toàn và bảo mật thương mại điện tử(KTKD07)_3	KTKD07	3	Tự luận 90P	90	64	1	C207	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
121	16/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Phát triển kỹ năng(QTKN01)_3	QTKN01	3	Vấn đáp 90P	90	36	2	C302, C303	KHÓA 14 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HKI GĐ 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh
122	16/01/2025	Ca 2 (10:00-11:00)	Phân tích diễn ngôn(NNTA11)_2	NNTA11	2	Trắc nghiệm + Tự luận 60P	60	85	2	C304, C308	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GĐ 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
123	16/01/2025	Ca 2 (10:00-11:40)	Tiếng Anh IELTS 1.1(NNIL1.1)_6	NNIL1.1	6	Trắc nghiệm + Tự luận 100P	100	156	4	C201, C202, C203, C204	KHÓA 15 - TIẾNG ANH - VIẾT - CLC - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
124	16/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Kinh tế vĩ mô 2(KHMA04)_3	KHMA04	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	27	1	C205	KHÓA 14 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
125	16/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Tài chính doanh nghiệp(CLCTC18)_3	CLCTC18	3	Tự luận 90P	90	81	2	C203, C204	KHÓA 13 - CLC - HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
126	16/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Luật thương mại(LUKT18)_3	LUKT18	3	Tự luận 90P	90	137	3	C301, C302, C303	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Luật Kinh tế
127	16/01/2025	Ca 3 (13:30-14:30)	Thực hành tiếng - Viết 1(NNTA06)_3	NNTA06	3	Trắc nghiệm + Tự luận 60P	60	98	2	C201, C202	KHÓA 15 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
128	16/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Kinh tế môi trường(QHMT08)_3	QHMT08	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	75	2	C308, C309	KHÓA 14 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Đầu tư
129	16/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản trị tổ chức sự kiện(QTEO01)_3	QTEO01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	49	1	C208	KHÓA 12 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh
130	16/01/2025	Ca 4 (15:30-16:30)	Thực hành tiếng - Nghe 1(NNTA03)_3	NNTA03	3	Trắc nghiệm + Tự luận 60P	60	99	2	C203,C204	KHÓA 15 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
131	16/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Đầu thầu qua mạng(QLQM08)_3	QLQM08	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	83	2	C201, C202	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Đầu thầu
132	16/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Thuế(TCTH11)_3	TCTH11	3	Tự luận 90P	90	193	4	C301, C302, C303, C304	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Tài chính - Ngân hàng
133	16/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Quản trị rủi ro tài chính(CLCRR31)_3	CLCRR31	3	Tự luận 90P	90	28	1	C205	KHÓA 12 - CLC - HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
134	17/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Lý luận Nhà nước và Pháp luật(LULL07)_4	LULL07	4	Vấn đáp 90P	90	100	5	C205, C207, C208, C209, C210	KHÓA 15 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Luật Kinh tế
135	17/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Quản trị tài chính cơ bản(CLCQT03)_3	CLCQT03	3	Tự luận 90P	90	1	1	C305	KHÓA 11 - CLC HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
136	17/01/2025	Ca 1 (08:00-09:00)	Lý thuyết kinh tế số(KTKD16)_2	KTKD16	2	Tự luận 60P	60	134	3	C301, C302, C303	KHÓA 14 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
137	17/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Phân tích không gian(KTPT17)_4	KTPT17	4	Tiểu luận - 3 ngày	90	84	1	C310	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
138	17/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Quản trị chuỗi cung ứng(CLCCU07)_3	CLCCU07	3	Tự luận 90P	90	89	2	C202, C203	KHÓA 12 - CLC- HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
139	17/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Kinh tế vi mô 2(KHMI03)_3	KHMI03	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	24	1	C307	KHÓA 11 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
140	17/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo(QTKS07)_3	QTKS07	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	148	4	C402, C404, C405, C407	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh
141	17/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Pháp luật đại cương(LUĐC01)_3	LUĐC01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	92	2	C401, C402	KHÓA 14 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Luật Kinh tế
142	17/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Pháp luật đại cương(LUĐC01)_3	LUĐC01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	514	13	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C301, C302, C303, C304	KHÓA 15 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Luật Kinh tế
143	17/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Pháp luật đại cương(LUĐC01)_3	LUĐC01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	506	13	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C301, C302, C303, C304	KHÓA 15 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Luật Kinh tế
144	17/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Pháp luật đại cương(LUĐC01)_3	LUĐC01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	472	12	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209, C210, C301, C302, C303	KHÓA 15 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Luật Kinh tế
145	18/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Phương pháp nghiên cứu khoa học(PPNC01)_3	PPNC01	3	Tiểu luận	90	80	1	C201	KHÓA 13 - PPNCKH - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
146	18/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	132	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
147	18/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	132	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
148	18/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Phương pháp nghiên cứu khoa học(PPNC01)_3	PPNC01	3	Tiểu luận	90	75	1	C201	KHÓA 13 - PPNCKH - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
149	18/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
150	18/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Phương pháp nghiên cứu khoa học(PPNC01)_3	PPNC01	3	Tiểu luận	90	71	1	C201	KHÓA 13 - PPNCKH - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
151	18/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Phương pháp nghiên cứu khoa học(PPNC01)_3	PPNC01	3	Tiểu luận	90	84	1	C201	KHÓA 13 - PPNCKH - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
152	18/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Giáo dục thể chất 1(GDTC08)_2	GDTC08	2	Vấn đáp 90P	90	129	3	San 1, San 2, San 5	KHÓA 15 - GDTC - LÝ THUYẾT - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn GDTC và QP
153	19/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Phương pháp nghiên cứu khoa học(PPNC01)_3	PPNC01	3	Tiểu luận	90	53	1	C201	KHÓA 14 - PPNCKH - ĐẠI TRẢ HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
154	19/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Phương pháp nghiên cứu khoa học(PPNC01)_3	PPNC01	3	Tiểu luận	90	79	1	C201	KHÓA 13 - PPNCKH - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
155	19/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Phương pháp nghiên cứu khoa học(PPNC01)_3	PPNC01	3	Tiểu luận	90	72	1	C201	KHÓA 13 - PPNCKH - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
156	19/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Phương pháp nghiên cứu khoa học(PPNC01)_3	PPNC01	3	Tiểu luận	90	80	1	C201	KHÓA 13 - PPNCKH - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
157	20/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Thị trường phái sinh(CLCPS34)_3	CLCPS34	3	Tự luận 90P	90	26	1	C207	KHÓA 12 - CLC- HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
158	20/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Kế toán quản trị(CLCQT30)_3	CLCQT30	3	Tự luận 90P	90	22	1	C205	KHÓA 13 - CLC - HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
159	20/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Giới thiệu về Kinh doanh(CLCKD17)_3	CLCKD17	3	Tự luận 90P	90	85	2	C201, C202	KHÓA 14 - CLC - HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
160	20/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Thị trường chứng khoán(TCCK25)_3	TCCK25	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	195	5	C203, C204, C208, C209, C210	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Tài chính - Ngân hàng
161	20/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Phân tích báo cáo tài chính(TCPT08)_3	TCPT08	3	Tự luận 90P	90	182	4	C301, C302, C303, C304	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Tài chính - Ngân hàng

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
162	20/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Toàn cầu hóa và các rủi ro(ĐNTC04)_3	ĐNTC04	3	Tự luận 90P	90	232	5	C201, C202, C203, C204, C208	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế quốc tế
163	20/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Nguyên lý kế toán(TCKT01)_3	TCKT01	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	647	15	C202, C203, C204, C205, C207, C208, C201, C209, C210, C301, C302, C303, C304, C305, C308	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kế toán - Kiểm toán
164	20/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Kinh tế đầu tư(KHĐT05)_3	KHĐT05	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	324	8	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C209	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Đầu tư
165	21/01/2025	Ca 1 (08:00-09:30)	Marketing căn bản(QTMC02)_3	QTMC02	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	274	7	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C209	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh
166	21/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Kinh tế vĩ mô 1(KHMA02)_3	KHMA02	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	506	12	C201, C202, C203, C204, C205, C207, C208, C210, C301, C302, C303, C304	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
167	21/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Luật Hình sự(LUKT08)_3	LUKT08	3	Tự luận 90P	90	106	2	C204, C208	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Luật Kinh tế
168	21/01/2025	Ca 3 (13:30-14:30)	Hành chính công(CSHC05)_2	CSHC05	2	Tự luận 60P	60	50	1	C301	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Viện Chính sách công
169	21/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản lý tài chính công(TCCO21)_3	TCCO21	3	Tự luận 90P	90	17	1	C207	KHÓA 13 - CLC - HKI GD 2 2024-2025	Viện Đào tạo Quốc tế
170	21/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Kế toán tài chính(TCKH04)_3	TCKH04	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	81	2	C201, C202	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kế toán - Kiểm toán
171	21/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Nhập môn kinh tế hợp tác(KTPT27)_3	KTPT27	3	Tiểu luận có vấn đáp	90	26	2	C201, C202	KHÓA 14 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển
172	21/01/2025	Ca 3 (13:30-15:00)	Thương mại điện tử(QTKD14)_3	QTKD14	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	42	1	C203	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
173	21/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Kinh tế phát triển 2(KTKT08)_3	KTKT08	3	Tự luận 90P	90	39	1	C201	KHÓA 13 - ĐẠI TRÀ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế phát triển

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Mã môn	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Đợt thi	Đơn vị phụ trách
174	21/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Thương mại điện tử và kinh tế số(KTKD15)_3	KTKD15	3	Tự luận 90P	90	64	1	C301	KHÓA 13 - CLC - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Kinh tế số
175	21/01/2025	Ca 4 (15:30-17:00)	Nghiên cứu thị trường(QTTT11)_3	QTTT11	3	Trắc nghiệm + Tự luận 90 P	90	169	4	C202, C203, C204, C208	KHÓA 13 - ĐẠI TRẢ - HKI GD 2 2024-2025	Khoa Quản trị kinh doanh
176	22/01/2025	Ca 1 (08:00-09:00)	Tiếng Anh cơ bản 4(TACB04)_3	TACB04	3	Trắc nghiệm + Tự luận 60P	60	164	4	C202, C203, C204, C201	KHÓA 14 - TIẾNG ANH - VIẾT - ĐẠI TRẢ HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ
177	22/01/2025	Ca 2 (10:00-11:30)	Tiếng Anh cơ bản 4(TACB04)_3	TACB04	3	NÓI 90P	90	164	8	C201, C202, C203, C204, C205, C208, C209, C207	KHÓA 14 - TIẾNG ANH - NÓI - ĐẠI TRẢ HKI GD 2 2024-2025	Bộ môn Ngoại ngữ

Ghi chú:

- Sinh viên dự thi xem danh sách thi trên tài khoản cá nhân và có mặt trước thời gian thi 15 phút để chuẩn bị cho ca thi (Số báo danh trên tài khoản cá nhân của sinh viên có thể thay đổi khi các Khoa/Viện cập nhật điểm đánh giá và điểm giữa kỳ do vậy trước khi thi 02 ngày sinh viên phải kiểm tra lại thông tin trên tài khoản cá nhân mình). Đối với trường hợp bị trùng ca thi, sinh viên điền đầy đủ thông tin theo mẫu đơn và gửi đến Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng ít nhất trước 02 ngày diễn ra ca thi;
- Các sinh viên có đơn xin hoãn thi đã được đồng ý, nộp đơn xin thi bổ sung trực tuyến trên ứng dụng APD Slink trước ngày 23/12/2024 đối với các học phần được tổ chức thi trong giai đoạn này;
- Các Khoa/Viện phụ trách các môn học có trách nhiệm nhập điểm thành phần các học phần lên phần mềm quản lý đào tạo ngay sau khi kết thúc lịch học để Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chốt danh sách thi;
- Đối với đề thi: Khoa/Viện ra đề thi và nộp về Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng theo đúng thời hạn quy định.